



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2021

BẢN TIN SỐ 1301

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Ngày 07/05/2021 đến ngày 13/05/2021)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	07-05	10-05	11-05	12-05	13-05
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	482 - 486	482 - 486	478 - 482	478 - 482	473 - 477
	5% tấm	472 - 476	472 - 476	468 - 472	468 - 472	463 - 467
	25% tấm	453 - 457	453 - 457	452 - 456	452 - 456	446 - 450
	Hom Mali 92%	728 - 732	728 - 732	728 - 732	728 - 732	713 - 717
	Gạo đỏ 100% Stxd	481 - 485	481 - 485	481 - 485	481 - 485	470 - 474
	A1 Super	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422	408 - 412
VIỆT NAM	5% tấm	493 - 497	493 - 497	493 - 497	493 - 497	493 - 497
	25% tấm	468 - 467	468 - 467	468 - 467	468 - 467	468 - 467
	Jasmine	568 - 572	563 - 567	563 - 567	563 - 567	573 - 577
	100% tấm	423 - 427	423 - 427	423 - 427	423 - 427	423 - 427
ẤN ĐỘ	5% tấm	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402
	25% tấm	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362
	Gạo đỏ 5% Stxd	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372
	100% tấm Stxd	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282
PAKISTAN	5% tấm	438 - 442	438 - 442	438 - 442	438 - 442	438 - 442
	25% tấm	378 - 382	378 - 382	378 - 382	378 - 382	378 - 382
	100% tấm Stxd	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422
MỸ	4% tấm	614 - 618	614 - 618	614 - 618	614 - 618	614 - 618
	15% tấm (Sacked)	572 - 576	572 - 576	572 - 576	572 - 576	572 - 576
	Gạo đỏ 4% tấm	615 - 619	615 - 619	615 - 619	615 - 619	615 - 619
	Calrose 4%	981 - 985	981 - 985	1031 - 1035	1031 - 1035	1031 - 1035

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Malaysia:

***Dự báo từ USDA:**

Ngày 07/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Production, Supply and Demand Data Statistics - Rice

Rice, Milled Market Year Begins Malaysia	2019/2020		2020/2021		2021/2022	
	Jan 2020		Jan 2021		Jan 2022	
	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post
Area Harvested (1000 HA)	700	700	700	680	0	680
Beginning Stocks (1000 MT)	324	324	439	419	0	443
Milled Production (1000 MT)	1825	1825	1825	1875	0	1850
Rough Production (1000 MT)	2808	2808	2808	2885	0	2846
Milling Rate (.9999) (1000 MT)	6500	6500	6500	6500	0	6500
MY Imports (1000 MT)	1220	1150	1100	1150	0	1050
TY Imports (1000 MT)	1220	1150	1100	1150	0	1050
TY Imp. from U.S. (1000 MT)	0	0	0	0	0	0
Total Supply (1000 MT)	3369	3299	3364	3444	0	3343
MY Exports (1000 MT)	30	30	30	51	0	40
TY Exports (1000 MT)	30	30	30	51	0	40
Consumption and Residual (1000 MT)	2900	2850	2900	2950	0	2900
Ending Stocks (1000 MT)	439	419	434	443	0	403
Total Distribution (1000 MT)	3369	3299	3364	3444	0	3343
Yield (Rough) (MT/HA)	4.0114	4.0114	4.0114	4.2426	0	4.1853

(1000 HA), (1000 MT), (MT/HA)
MY = Marketing Year, begins with the month listed at the top of each column
TY = Trade Year, which for Rice, Milled begins in January for all countries. TY 2021/2022 = January 2022 - December 2022

Cơ quan USDA đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất trong năm thị trường 2021/22 (từ tháng 1 đến tháng 12/2022) của Malaysia. Theo bảng cân đối, cơ quan này đã nâng dự báo sản lượng gạo xay xát so với ước tính chính thức của năm thị trường trước đó. Ngoài ra, cơ quan này cũng hạ dự báo về diện tích thu hoạch, nhập khẩu và dự trữ lúa so với ước tính chính thức trước đó. Tuy nhiên, mức tiêu thụ gạo của quốc gia Đông Nam Á này được dự báo là không đổi so với ước tính chính thức trước đó.

Sản lượng gạo xay của Malaysia được dự báo sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước do diện tích giảm nhẹ. Sự sụt giảm là do khan hiếm đất và sự cạnh tranh mạnh mẽ từ dầu cọ. Sự già hóa của nông dân cũng được cho là một nguyên nhân khiến diện tích lúa ngày càng thấp.

Năm 2019, sản lượng gạo tự cung tự cấp của Malaysia là 72%, giảm so với mục tiêu 75% của chính phủ. Để khuyến khích sản xuất lúa gạo, chính phủ cung cấp một loạt các khoản trợ cấp và khuyến khích cho các nhà sản xuất. Dưới đây là các khoản trợ cấp và ưu đãi gạo của chính phủ trong năm 2019:

Table 4: Current Government Rice Subsidies and Incentives

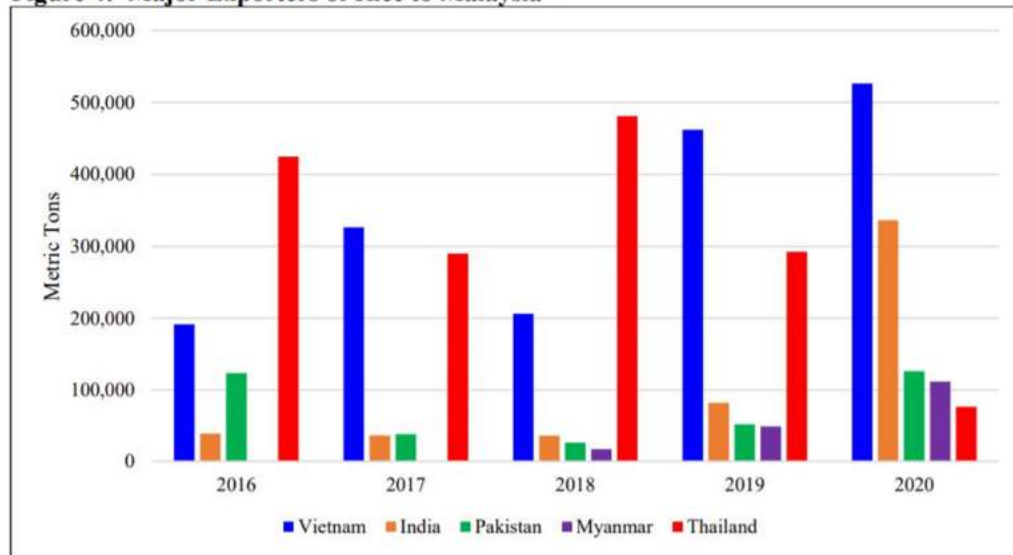
Subsidy / Incentive	2019 Allocation (USD Million)
Paddy Seed Incentive	18.5
Federal Government Paddy Fertilizer Scheme	94.4
Paddy Production Incentive Scheme	102.2
Paddy Price Subsidy Scheme	154.7
Fertilizer and Pesticide Subsidies for Upland Paddy	11.1
Total	380.9

Exchange Rate as of February 15, 2021 USD\$1: RM4.05

Source: Ministry of Agriculture and Food Industries –Malaysia Paddy Statistics

Mức tiêu thụ gạo của quốc gia này được dự báo sẽ giảm so với cùng kỳ năm ngoái do nhu cầu mua từ các khách sạn và nhà hàng giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, dẫn đến nhập khẩu gạo của nước này sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước. Hiện Việt Nam và Ấn Độ cung cấp hơn 80% lượng gạo nhập khẩu vào Malaysia. Các nhà cung cấp gạo lớn khác cho Malaysia gồm có Pakistan, Miến Điện và Thái Lan.

Figure 4: Major Exporters of Rice to Malaysia



Source: Trade Data Monitor

Chính phủ không kiểm soát giá gạo nhập khẩu mà giao cho Công ty Bernas xử lý tất cả các mặt hàng nhập nhẫu. Tuy nhiên, chính phủ nước này lại kiểm soát giá bán lẻ gạo ST15 nội địa. Giá gạo bán lẻ dao động từ 1,65 - 1,8 RM/Kg (Khoảng 400 - 440 USD/tấn). Bên cạnh đó, chính phủ cũng đánh thuế nhập khẩu lên gạo tiêu dùng là 40% và 15% đối với gạo dùng để chế biến thức ăn chăn nuôi.

Trung Quốc:

****Tăng cường an ninh ngũ cốc:***

Ngày 07/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo Reuters, Chính phủ Trung Quốc đang quan tâm đến việc tăng cường an ninh ngũ cốc bằng cách thúc đẩy sản lượng ngũ cốc, trong khi vẫn đang kỳ vọng một vụ bội thu trong năm nay. Đồng thời, cơ quan Nội các của nước này cho biết họ vẫn sẽ duy trì ổn định giá thu mua tối thiểu đối với gạo

và lúa mì như một phần trong nỗ lực thúc đẩy sản lượng ngũ cốc và tăng cường an ninh ngũ cốc.

***Dự báo sản lượng lúa 2021:**

Ngày 10/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo Reuters, Trung tâm Thông tin Ngũ cốc và Dầu Quốc gia Trung Quốc (CNGOIC) dự báo sản lượng lúa năm 2021 của Trung Quốc ở mức 215 triệu tấn, tăng khoảng 1,5% so với cùng kỳ. Trung tâm này cũng dự báo sản lượng ngô năm 2021 là 272 triệu tấn, tăng khoảng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng lúa mì dự báo đạt 136,4 triệu tấn, tăng khoảng 1,6%.

Theo một tuyên bố trên trang web của nội các Trung Quốc, Thủ tướng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ đất canh tác và cải thiện chất lượng gạo và lúa mì.

Ai Cập:

***Áp dụng xử phạt đối với nông dân trồng lúa trái phép:**

Ngày 07/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo Ahram Online, chính phủ Ai Cập đã quyết định xử phạt ngay lập tức đối với những nông dân trồng lúa ngoài 303.514 ha được chính phủ nước này giao để canh tác vào năm 2020 trong bối cảnh lo ngại rằng việc lấp Đập Grand Ethiopian Renaissance (GERD) đang tranh chấp vào tháng 7 sẽ làm giảm lượng nước của nước này, do 95% nhu cầu tái tạo của nước này phụ thuộc vào nước sông Nile.

Dự án thủy điện Ethiopia được cho là sẽ làm giảm nguồn cung cấp nước quan trọng của Ai Cập. Trong một tuyên bố trước đó của mình, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Tài nguyên nước cho biết việc trồng lúa bất hợp pháp sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước sẵn có trong mùa hè. Trong khi cả Ai Cập và Sudan được cho là đã phản đối động thái của Ethiopia khi cố gắng lấp đầy đập GERD lần thứ hai, khoảng 18,4 mét khối nước tăng khoảng 4,9 mét khối so với đợt trước đó.

Philippines:

***Sản lượng lúa Quý I - 2021:**

Ngày 10/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), sản lượng thóc của Philippines trong quý đầu tiên của năm 2021 (từ tháng 1 đến tháng 3) ước tính đạt 4,626 triệu tấn, tăng khoảng 8,6% so với 4,261 triệu tấn của quý đầu năm 2020.

https://psa.gov.ph/sites/default/files/Q1%202021_Value%20of%20Production.pdf

Bangladesh:

***Dự báo từ USDA:**

Ngày 11/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Table 3. Bangladesh: Commodity, milled rice, PSD
(Area in Thousand Hectares, Quantity in Thousand Metric Tons)

Rice, Milled Market Year Begins Bangladesh	2019/2020		2020/2021		2021/2022	
	May 2019		May 2020		May 2021	
	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post
Area Harvested (1000 HA)	11830	11830	11600	11500	0	11650
Beginning Stocks (1000 MT)	1405	1405	1771	1771	0	1267
Milled Production (1000 MT)	35850	35850	34800	34600	0	35820
Rough Production (1000 MT)	53780	53780	52205	51905	0	53735
Milling Rate (.9999) (1000 MT)	6666	6666	6666	6666	0	6666
MY Imports (1000 MT)	20	20	800	800	0	500
TY Imports (1000 MT)	20	20	1300	1000	0	500
TY Imp. from U.S. (1000 MT)	0	0	0	0	0	0
Total Supply (1000 MT)	37275	37275	37371	37171	0	37587
MY Exports (1000 MT)	4	4	4	4	0	4
TY Exports (1000 MT)	4	4	4	4	0	4
Consumption and Residual (1000 MT)	35500	35500	35900	35900	0	36000
Ending Stocks (1000 MT)	1771	1771	1467	1267	0	1583
Total Distribution (1000 MT)	37275	37275	37371	37171	0	37587
Yield (Rough) (MT/HA)	4.5461	4.5461	4.5004	4.5135	0	4.6124
(1000 HA) ,(1000 MT) ,(MT/HA)						
MY = Marketing Year, begins with the month listed at the top of each column						
TY = Trade Year, which for Rice, Milled begins in January for all countries. TY 2021/2022 = January 2022 - December 2022						

Cơ quan USDA đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất trong năm thị trường 2021/22 (tháng 5/2021 - tháng 4/2022) của Bangladesh. Theo bảng cân đối, cơ quan này đã nâng dự báo về diện tích thu hoạch lúa, sản lượng gạo xay xát, tiêu thụ và dự trữ; cũng như hạ dự báo nhập khẩu gạo của quốc gia này so với ước tính chính thức trước đó.

Diện tích thu hoạch lúa và sản lượng xay xát của Bangladesh được dự báo sẽ tăng trong trường hợp điều kiện thời tiết thuận lợi, giống và phân bón được cung cấp đầy đủ, tưới tiêu hợp lý và nông dân tiếp tục được nhận hỗ trợ từ Cục Khuyến nông (DAE), Bộ Nông nghiệp (MOA). Giá dự kiến sẽ vẫn ở mức cao do nhu cầu tiêu thụ gạo trong nước tiếp tục tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận cho nông dân được dự báo sẽ thấp vào năm thị trường 2021/22 này do chi phí lao động tăng trong bối cảnh nước này áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn sự bùng phát của đại dịch COVID-19.

Về tình hình sản xuất, lúa được trồng và thu hoạch trong ba vụ - Boro, Aus, Aman. Vụ thu hoạch Boro năm 2021 bắt đầu vào cuối tháng Tư. Nông dân được cho là đang kỳ vọng sẽ được một mùa bội thu bất chấp đợt nắng nóng ngắn trong tuần đầu tiên của tháng Tư. Ước tính về diện tích và sản lượng cho ba mùa như sau:

Table 1. Bangladesh: Boro, Aus, and Aman Rice Area and Production Estimates

Rice by Season	2019/20 (Estimate)		2020/21 (Estimate)		2021/22 (Forecast)	
	Area 1,000 HA	Production 1,000 MT	Area 1,000 HA	Production 1,000 MT	Area 1,000 HA	Production 1,000 MT
Boro (Winter)	4,850	19,400	4,700	19,300	4,700	19,000
Aus (Pre Monsoon)	1,100	2,450	1,200	2,700	1,250	2,820
Aman (Monsoon)	5,880	14,000	5,600	12,600	5,700	14,000
Total Rice	11,830	35,850	11,500	34,600	11,650	35,820

Note: Boro season rice (Boro rice) is planted in 2020 and harvested and marketed in April-May, 2021. Boro rice is therefore the first rice crop in the Market Year (MY) 2021-22 (May-April).

Về tình hình tiêu thụ gạo, cơ quan USDA dự báo sẽ tăng so với năm trước do kỳ vọng tiếp tục có các chương trình hỗ trợ lương thực của chính phủ cho các hộ gia đình nghèo bị ảnh hưởng bởi các đợt giãn cách xã hội trong dịch COVID-19.

Đồng thời, cơ quan này cũng dự báo nhập khẩu gạo của Bangladesh sẽ giảm so với cùng kỳ năm ngoái do dự kiến sản lượng thu hoạch vụ Boro trong năm thị trường này tăng mạnh, cũng như kỳ vọng sản lượng cũng sẽ tăng trong mùa Aman và Aus do giá nội địa cao. Trước đó, cơ quan USDA đã dự báo nhập khẩu gạo của nước này sẽ tăng lên 800.000 tấn. Tính đến ngày 12/04/2021, chính phủ nước này đã nhập khoảng 240.000 tấn, phần còn lại sẽ do tư nhân nhập khẩu. Trong năm 2020, chính phủ cũng đã chấp nhận cho 320 nhà nhập khẩu được phép nhập một triệu tấn gạo, nhưng nhiều đơn hàng nhập khẩu không được thực hiện do giá thị trường quốc tế và chi phí thương mại cao. Gần đây nhất, chính phủ đã phê duyệt đơn đặt hàng nhập khẩu 150.000 tấn gạo từ Ấn Độ.

Theo Bộ Lương thực (MOF), tính đến ngày 12/4/2021, lượng gạo tồn kho ở mức 400.000 tấn, giảm khoảng 70%.

Table 2. Bangladesh: Stock at public granaries (Thousand MT)

12-Apr-21			12-Apr-20		
Rice (000 MT)	Wheat (000 MT)	Total (000 MT)	Rice (000 MT)	Wheat (000 MT)	Total (000 MT)
371.71	110.25	481.96	1212.64	280.91	1493.55

Source: MIS&M, Director General of Food, Ministry of Food

Giá gạo bán lẻ đang tăng trong 11 tháng qua, phản ánh nguồn cung nội địa giảm do sản lượng trong năm thị trường 2020/21 thấp. Ngoài ra, các nhà xay xát, bán buôn và người tiêu dùng đang duy trì lượng hàng dự trữ lớn hơn với kỳ vọng giá tiếp tục tăng. Tuy nhiên, cơ quan USDA dự báo giá gạo sẽ giảm sau vụ thu hoạch Boro.

***Sản lượng gạo vụ Boro:**

Ngày 12/05/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo của tờ Financial Express, trích dẫn lời của Bộ trưởng Nông nghiệp Bangladesh cho biết, sản lượng gạo vụ Boro (được trồng vào tháng 12/2020 và thu hoạch vào tháng 4-5/2021) trong năm 2021 của nước

này ước đạt sản lượng 20,5 triệu tấn, gần như tương đương với mục tiêu của chính phủ đề ra.

Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp, hiện tại khoảng 64% trong số 4,8 triệu ha đất gieo trồng đã được thu hoạch với năng suất trung bình là 4,17 tấn/ha, tăng từ mức ước tính 3,97 tấn/ha vào năm 2020. Sự gia tăng năng suất là do việc áp dụng các giống lai.

Nhật Bản:

***Thông báo đấu thầu CPTPP - SBS:**

Ngày 11/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo thông cáo của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp (MAFF), Nhật Bản sẽ tổ chức đấu thầu mua và bán đồng thời (SBS) theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vào ngày 25/05/2021 nhằm mua khoảng 1.040 tấn gạo. Buổi đấu thầu sẽ được diễn ra vào lúc 11:00 sáng và 12:00 chiều theo giờ Nhật Bản.

Đây là gói thầu nhập khẩu SBS đầu tiên do Nhật Bản tổ chức trong năm tài chính 2021/22 (04/2021 - 03/2022).

Thông báo mời thầu có thể được tìm thấy tại:

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/in dex-353.pdf

Indonesia:

***Dự án Khu lương thực quốc gia:**

Ngày 12/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo báo cáo của cơ quan USDA, những thách thức tiềm tàng mà chính phủ Indonesia phải đối mặt trong việc triển khai thực hiện quy hoạch Khu lương thực quốc gia. Tổng diện tích của dự án khoảng 770.000 ha bao gồm 148.000 ha đất trồng lúa và 622.000 ha đất cho các loại cây trồng theo vụ mùa như ngô (Theo báo cáo của *Oryza* vào tháng 9/2020).

Dự án này được chính phủ Indonesia thành lập vào tháng 06/2020 như một phần trong nỗ lực tăng sản lượng nông nghiệp và cung cấp an ninh lương thực cho người dân nước này. Tuy nhiên, các chương trình tương tự của các chính phủ trước đây đề xuất được cho là đã thất bại và có nhiều hoài nghi về sự thành công của kế hoạch đề xuất hiện tại.

Colombia:

***Các nhà sản xuất gạo phản đối nhập khẩu:**

Ngày 12/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo báo cáo của W Radio, các nhà sản xuất gạo Colombia đang có kế hoạch bắt đầu một cuộc đình công trên toàn quốc vào ngày 12 tháng 5 năm 2021, nhằm phản đối việc chính phủ công bố thành lập quỹ Bình ổn giá gạo trong khu vực nhằm mua khoảng 53.000 tấn gạo để hỗ trợ nông dân nhỏ ở

vùng Norte de Santander, khiến sản lượng gạo nhập khẩu tăng và giá trong nước giảm.

Đồng thời, các nhà sản xuất gạo cũng bày tỏ sự thất vọng khi hầu hết các kế hoạch trước đó của chính phủ không thực hiện được và họ đang phải đối mặt với những thách thức do giá bán trong nước giảm.

Iraq:

***Công bố diện tích trồng lúa được giao năm 2021:**

Ngày 12/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tờ Reuters trích dẫn nguồn từ Bộ Nông nghiệp Iraq cho biết, nước này đã giao 396.650 dunam (39.665 ha) đất để trồng lúa trong vụ mùa 2021, giảm khoảng 20,67% so với 500.000 dunam (50.000 ha) trong vụ mùa trước đó.

Nguyên nhân của sự sụt giảm này phù hợp với quyết định của chính phủ về việc giảm diện tích trồng lúa như một phần trong nỗ lực bảo tồn nguồn nước. Chính phủ đã cấm trồng lúa trong năm 2018 do thiếu nước, nhưng quyết định lùi lại cho năm 2019 do điều kiện thời tiết thuận lợi.

Cả nước cần khoảng 1 – 1,25 triệu tấn gạo mỗi năm để đáp ứng nhu cầu trong nước.

Nga:

***Thông báo đấu thầu:**

Ngày 13/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Table 6. Production, Supply and Distribution of Rice

Rice, Milled Market Year Begins	2019/2020		2020/2021		2021/2022	
	Jan 2020		Jan 2021		Jan 2022	
	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post
Russia						
Area Harvested (1000 HA)	191	192	196	190	0	150
Beginning Stocks (1000 MT)	75	75	113	100	0	50
Milled Production (1000 MT)	715	685	742	700	0	550
Rough Production (1000 MT)	1100	1054	1142	1077	0	846
Milling Rate (.9999) (1000 MT)	6500	6500	6500	6500	0	6500
MY Imports (1000 MT)	220	230	200	200	0	300
TY Imports (1000 MT)	220	230	200	200	0	300
TY Imp. from U.S. (1000 MT)	1	0	0	0	0	0
Total Supply (1000 MT)	1010	990	1055	1000	0	900
MY Exports (1000 MT)	127	127	140	150	0	50
TY Exports (1000 MT)	127	127	140	150	0	50
Consumption and Residual (1000 MT)	770	763	785	800	0	800
Ending Stocks (1000 MT)	113	100	130	50	0	50
Total Distribution (1000 MT)	1010	990	1055	1000	0	900
Yield (Rough) (MT/HA)	5.7592	5.4896	5.8265	5.6684	0	5.64

(1000 HA) ,(1000 MT) ,(MT/HA)

MY = Marketing Year, begins with the month listed at the top of each column

TY = Trade Year, which for Rice, Milled begins in January for all countries.TY 2021/2022 = January 2022 - December 2022

Cơ quan USDA đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất trong năm thị trường 2021/22 (từ tháng 1 đến tháng 12/2022) của Nga. Dựa trên bảng cân

đối, cơ quan này đã hạ dự báo về diện tích thu hoạch gạo, sản lượng gạo xay xát, xuất nhập khẩu và dự trữ cuối vụ của quốc gia này so với ước tính chính thức trước đó.

Sản lượng gạo của Nga được dự báo sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước do diện tích canh tác giảm. Sự suy giảm diện tích được cho là do trữ lượng nước không đủ. Điều này dẫn đến việc xuất khẩu được dự báo sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước do sản lượng có khả năng giảm. Trong 4 tháng đầu năm 2021, Nga đã xuất khẩu 26.200 tấn gạo sang Thổ Nhĩ Kỳ, 3.600 tấn sang Bỉ và 975 tấn sang Jordan.

Đồng thời, nhập khẩu gạo được dự báo sẽ tăng. Trong 4 tháng đầu năm 2021, nước này đã nhập khẩu 20 tấn gạo từ Ấn Độ, 3.600 tấn từ Kazakhstan và 3.500 tấn từ Thái Lan.

Mauritius:

****Thông báo đấu thầu:***

Ngày 13/05/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo thông cáo báo chí trên trang web Mua sắm điện tử của Mauritius, Tổng công ty Thương mại Nhà nước (STC) đã phát hành một cuộc đấu thầu quốc tế nhằm mua 4.000 tấn gạo trắng hạt dài không kể xuất xứ. Gạo trúng thầu phải được đóng containers và giao hàng từ ngày 01/08/2021 đến ngày 30/09/2021.

Hạn chót nộp hồ sơ dự thầu (trực tuyến trên trang web Mua sắm điện tử) là ngày 01/06/2021, lúc 14:30 giờ (giờ Mauritian). Các hồ sơ dự thầu sẽ được mở vào ngày 03/06/2021, lúc 14:00 (giờ Mauritian).

Chi tiết thông tin đấu thầu như sau:

<https://eproc.publicprocurement.govmu.org/docdetails?param=782afcc39ff8e9e260e54e5289a54ed6#>

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan, thị trường nội địa ổn định do các thương nhân vẫn đang mua vào nguồn gạo trắng và gạo đỏ nguyên liệu cho các hợp đồng đã ký kết với Tây Phi, Nhật Bản, Mauritius và Philippines. Tuy nhiên, nhu cầu mới lại rất trầm lắng, giá chào giảm trên tất cả các phân khúc từ gạo trắng cho đến gạo đỏ và đặc biệt là gạo nếp do cung cấp dồi dào sau một vụ mùa bội thu.

Ấn Độ, tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát dữ dội tại nhiều thành phố lớn đã trở thành mối quan ngại thực sự của các thương nhân xuất khẩu gạo. Hệ thống vận tải nội địa bắt đầu gián đoạn tại một số tỉnh cùng với giá cước container tăng cao trong khi các khách hàng không sẵn lòng chi trả thêm phần phí gia tăng – là những nguyên nhân chính đang gây ảnh hưởng đến nguồn cung này dù giá chào gạo trắng tuần qua giảm nhẹ. Trong khi đó, giá chào gạo tằm, gạo basmati vẫn ổn định và giá chào gạo đỏ và gạo swarna 5% tằm tăng do nhu cầu nhập khẩu gạo swarna của Việt Nam.

Ấn Độ xuất khẩu 2,446 triệu tấn gạo trong tháng 03/2021, bao gồm 1,967 triệu tấn gạo non-basmati và 478.805 tấn gạo basmati, cao hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu xuất phát từ gạo non-basmati.

Tính đến ngày 01/05/2021, tồn kho gạo Ấn Độ đạt khoảng 48,05 triệu tấn gạo các loại, đã bao gồm 26,22 triệu tấn lúa quy gạo, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3,8% so với thời điểm 01/04/2021.

Pakistan, giá chào gạo trắng và gạo basmati giảm do nhu cầu chậm lại giữa kỳ nghỉ Eid và lệnh phong tỏa do dịch bệnh Covid-19 mới được ban hành. Tương tự, giá chào mặt hàng gạo tám trắng cũng giảm do hầu hết các nhà nhập khẩu đã mua gần đủ lượng dự tin tức cho thấy Trung Quốc và châu Phi vẫn còn nhu cầu.

Miến Điện, các thương nhân tiếp tục đối phó với tình trạng giá cước tăng cao, thiếu container rỗng, vận chuyển nội địa gián đoạn và nguồn tín dụng dành cho hoạt động thương mại gạo bị hạn chế sau cuộc chính biến hôm 01/02. Giao dịch theo đó rất trầm lắng dù đồng kyat thời gian qua luôn ở mức thấp hơn so với đồng dollar. Hiện nay, nguồn cung này chủ yếu tập trung vào việc giao hoàn tất đơn hàng 100.000 tấn đã ký kết hồi tháng 01/2021 với Bangladesh.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 07/05	Ngày 10/05	Ngày 11/05	Ngày 12/05	Ngày 13/05
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,43	6,42	6,43	6,46	6,45
Euro (USD/Euro)	1,22	1,22	1,22	1,21	1,21
Rupiah Indonesia (IDR)	14.286,23	14.198,51	14.196,12	14.239,98	14.236,06
Rupee Ấn Độ (INR)	73,25	73,41	73,38	73,59	73,49
Yen Nhật Bản (JPY)	108,52	108,71	108,53	109,53	109,57
Philippines Peso (PHP)	47,79	47,80	47,96	47,97	47,86
Pakistan Rupees (PKR)	152,32	153,81	152,07	152,20	152,22
Baht Thái Lan (THB)	31,07	31,07	31,18	31,29	31,34
Vietnamese Dong (VND)	23.077,73	23.068,75	23.050,30	23.054,72	23.060,26

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 13/05/2021, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Đông Xuân 2020 – 2021 đã xuống giống được 1,520 triệu ha, đã thu hoạch được 1,506 triệu ha với năng suất khoảng 7,23 tấn/ha; vụ Hè Thu 2021 xuống giống được 760 ngàn ha/1,521 triệu ha diện tích kế hoạch.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 01.05 đến 07.05.2021:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

*** Trên cây lúa**

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 22.763 ha (giảm 1.614 ha so với kỳ trước, tăng 12.607 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 2.524 ha, phòng trừ 76.363 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Yên Bái, Phú Thọ, Quảng Ninh, Điện Biên, Hưng Yên, Tiền Giang, Long An, Bình Thuận, Vĩnh Long, Bà Rịa Vũng Tàu, Hậu Giang, Đắk Lắk, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 42.347 ha (giảm 115.997 ha so với kỳ trước, giảm 150.250 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 10.449 ha, phòng trừ trong kỳ 165.300 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Long An,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.121 ha (tăng 06 ha so với kỳ trước, tăng 109 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 1.281 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Long An, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bình Thuận, Gia Lai, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Giang, Yên Bái, Cao Bằng,...

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 5.697 ha (giảm 2.591 ha so với kỳ trước, giảm 7.520 ha so với CKNT), nhiễm nặng 56 ha, phòng trừ 8.472 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Hà Nội, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Hải Phòng, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang,...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 2.689 ha (tăng 1.310 ha so với kỳ trước, tăng 1.084 ha so với CKNT), mất trắng 1,5 ha tại Nghệ An; diện tích phòng trừ trong kỳ 61.848 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Khu 4, Điện Biên, Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Nam, Lâm Đồng, Gia Lai,...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 5.213 ha (tăng 80 ha so với kỳ trước, tăng 2.627 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 4.295 ha. Phân bố chủ

yếu tại các tỉnh phía Nam như Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Kiên Giang, Bình Thuận, Phú Yên, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 4.379 ha (tăng 321 ha so với kỳ trước, giảm 4.902 ha so với CKNT), mất trắng 5,1 ha tại Nghệ An, diện tích phòng trừ trong kỳ 1.275 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh như Thanh Hóa, Nghệ An, Bạc Liêu, Long An, Sóc Trăng, Phú Thọ, Bắc Ninh,...

- **Bệnh vàng lùn- lùn xoắn lá:** Diện tích nhiễm 266 ha (tăng 193 ha so với tuần trước, tăng 339,5 ha so với CKNT), tỷ lệ nhiễm phổ biến 5 – 10 %, nơi cao > 10% với diện tích 115 ha trên lúa giai đoạn làm đòng – trổ tại tỉnh Kiên Giang (chủ yếu tại 03 huyện: Giồng Riềng, Châu Thành và Tân Hiệp).

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 2.665 ha (tăng 602 ha so với kỳ trước, tăng 69 ha so với CKNT) diện tích phòng trừ trong kỳ 1.984 ha. Phân bố tại các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh.

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.373 ha (giảm 881 ha so với kỳ trước, giảm 9.020 ha so với CKNT), diện tích nặng 296 ha, diện tích phòng trừ trong kỳ 2.403 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nội, Điện Biên, khu 4, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Hồ Chí Minh, Quảng Nam,...

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ

- **Bệnh đạo ôn lá và cổ bông:**

Trong thời gian tới nếu thời tiết tiếp tục bổ xung các đợt không khí lạnh kèm theo mưa, bệnh đạo ôn lá sẽ tiếp tục phát sinh và gây hại trên các giống lúa nhiễm, ruộng bón thừa đạm; bệnh đạo ôn cổ bông sẽ gây hại trên giống nhiễm trổ khoảng trung tuần tháng 5, đặc biệt là những ruộng đã nhiễm bệnh đạo ôn lá nặng (Điện Biên, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội,...) nếu không chủ động phòng chống kịp thời;

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Sâu non lúa 2 tiếp tục gây hại trên những diện tích lúa Đông Xuân muộn, diện xanh tốt và chưa được phun trừ hoặc phun kém hiệu quả, phân bố chủ yếu tập trung tại các tỉnh ven biển như Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hải Phòng, Hà Nam,...

- **Rầy nâu, rầy lưng trắng:** Tiếp tục gây hại chủ yếu trên các giống lúa nhiễm, trà sớm – chính vụ, mật độ tăng, hại nặng diện hẹp;

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Trưởng thành lúa 2 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng. Sâu non gây dảnh héo, bông bạc diện hẹp trên trà lúa trổ từ ngày 10/5 trở đi;

Ngoài ra, **bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn**, ... gây hại tăng trên các giống lúa nhiễm sau các trận mưa giông; **bệnh đen lép hạt, chuột**,... hại cục bộ.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

- **Bệnh đạo ôn cổ bông:** tiếp tục phát sinh và gây hại chủ yếu trên lúa Đông xuân muộn giai đoạn trổ bông - ngậm sữa tại các tỉnh trong vùng (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình...), đặc biệt trên những diện tích đã nhiễm bệnh đạo ôn lá nặng, giống nhiễm, bón thừa đạm,...

Ngoài ra, các đối tượng khác như: rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá- đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt,... tiếp tục phát triển và gây hại mạnh trên lúa Đông Xuân giai đoạn trổ bông – chín sữa; chuột tiếp tục phát sinh gây hại trên các trà lúa, hại nặng cục bộ trên các khu vực ven làng, gò bãi, nương máng,...; sâu đục thân 2 chấm, bệnh đốm nâu,... phát sinh cục bộ và gây hại nhẹ.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:

Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân hai chấm, bọ trĩ, ruồi đục lá, bệnh đạo ôn lá, ốc bươu vàng, chuột,... tiếp tục gây hại trên lúa Xuân Hè, Hè Thu giai đoạn mạ - đẻ nhánh – đứng cái.

d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long

- *Rầy nâu*: trên đồng ruộng phổ biến rầy tuổi 4 – trưởng thành. Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng ruộng, quản lý tốt nguồn rầy tại chỗ, tránh để rầy lây lan ra diện rộng và truyền bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá cho các diện tích lúa mới xuống giống.

- *Bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá*: có khả năng bệnh tiếp tục phát triển và gây hại tăng trên trà lúa Hè Thu 2021, đặc biệt là trên những ruộng gieo sạ không theo đúng lịch khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- *Bệnh đạo ôn lá*: Do điều kiện thời tiết biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch sẽ thích hợp cho bệnh đạo ôn phát triển. Dự báo, trong thời gian tới bệnh tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm trên trà lúa Hè Thu 2021 giai đoạn đẻ nhánh.

Ngoài ra, theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia thời gian tới, thời tiết trong khu vực mưa nhiều, ngày nắng cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng như *bệnh bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt, ốc bươu vàng,...* phát triển và lây lan gây hại. Chú ý thăm đồng và chủ động các biện pháp phòng chống kịp thời, hiệu quả.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu tháng 04/2021 đạt 781.159 tấn, trị giá 424,217 triệu USD so với cùng kỳ tăng 47,13% về số lượng và tăng 59,92% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 30/04/2021 số lượng đạt 1,973 triệu tấn, trị giá 1,072 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 6,95% và về trị giá tăng 7,34%.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/05 - 14/05/2021, có 18 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 178.700 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Lenor	HCM	29/03/2021	30.000	Cuba
2	HTK Fortune	HCM	10/04/2021	27.500	Châu Phi

- Bản Tin 1301 (Từ Ngày 07/05/2021 Đến Ngày 13/05/2021) -

3	Global Faith	HCM	14/04/2021	23.000	Châu Phi
4	Caro Padre	HCM	25/04/2021	52.000	Châu Phi
5	Haydee	HCM	25/04/2021	30.000	Cuba
6	Hòa Bình 09	HCM	25/04/2021	6.400	Philippines
7	Hòa Bình 45	HCM	29/04/2021	4.000	Philippines
8	Ja Phie	Mỹ Thới	29/04/2021	1.800	Philippines
9	MD Sun	HCM	30/04/2021	6.000	Philippines
10	Hải Hà 58	HCM	02/05/2021	3.800	Malaysia
11	Quang Minh 5	HCM	02/05/2021	4.000	Malaysia
12	Royal 16	HCM	03/05/2021	5.000	Philippines
13	Hải Bình 16	HCM	05/05/2021	4.000	Philippines
14	Hải Hà 388	HCM	05/05/2021	3.900	Philippines
15	Nasico Eagle	HCM	05/05/2021	3.800	Philippines
16	New ACE	HCM	05/05/2021	7.000	Philippines
17	Việt Hải Sun	HCM	05/05/2021	4.000	Philippines
18	An Hải Star	HCM	06/05/2021	7.000	Bangladesh
19	Globe 06	HCM	06/05/2021	3.800	Philippines
20	Hải Phương 619	HCM	06/05/2021	4.000	Philippines
21	Việt Hải Star	HCM	06/05/2021	4.000	Philippines
22	Sunrise 69	HCM	08/05/2021	6.500	Philippines
23	Thái Bình 38	HCM	08/05/2021	5.000	Philippines
24	Trường Lộc 16	HCM	08/05/2021	5.000	Philippines
25	Hoàng Phương Star	HCM	10/05/2021	4.000	Philippines
26	Oceanic Leader	HCM	10/05/2021	48.000	Châu Phi
27	Royal 27	HCM	12/05/2021	10.900	Hàn Quốc
28	Sky Light	HCM	14/05/2021	45.000	Châu Phi
Tổng				439.400	

IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	13/05	+/-	13/05	+/-	13/05	+/-	13/05	+/-	13/05	+/-	13/05	+/-	13/05	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.250	+100	6.350	+100	6.050	-	6.550	+100	6.300	-			6.800	+150	6.800	6.383
Lúa thường	6.050	-	6.050	-	5.950	-			6.300	-150	6.450	+100	6.400	+200	6.450	6.200
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	8.250	+300	7.450	+100	7.450	-			6.525	-			7.800	+150	8.250	7.495
Lúa thường	8.050	+200	7.050	-	7.100	-			6.525	-175			7.400	+200	8.050	7.225
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.850	+400	9.600	+200	9.700	-			9.600	+50			10.000	+200	10.000	9.750
Lứt loại 2	9.150	-	9.100	+100	9.200	+125			9.150	-	9.350	+200	9.350	+250	9.350	9.217
Xát trắng loại 1			11.050	+300			11.150	-	11.200	+150			11.400	-	11.400	11.200
Xát trắng loại 2			10.550	+200			10.550	+200	10.650	+100	10.700	+200	10.750	+150	10.750	10.640
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.450	-100	8.850	+100	8.250	-	8.450	-200	8.450	-	8.650	+200	8.700	+200	8.850	8.543
Tấm 2/3			7.950	-	8.050	-			7.450	-			7.700	+400	8.050	7.788
Tấm 3/4	7.350	+300	7.750	-	7.350	+300	7.250	+100							7.750	7.425
Cám xát	7.350	+300	7.250	+300	7.350	+400	7.150	+300	7.450	+400	6.950	+200	7.300	+300	7.450	7.257
Cám lau	7.350	+300	7.250	+300	7.350	+400	7.150	+300	7.450	+400	6.950	+200	7.300	+300	7.450	7.257
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.350	+200	10.950	+100	10.800	-50	11.350	+500	11.250	-	11.100	+400	10.800	+150	11.350	11.086
10%			10.850	+100					11.000	-					11.000	10.925
15%	11.150	+200	10.750	+100	10.500	-50			10.950	-	10.900	+400	10.600	+150	11.150	10.808
20%			10.650	+100					10.800	-					10.800	10.725
25%	10.950	+200	10.550	+100	10.200	-50			10.300	-	10.700	+400	10.250	+200	10.950	10.492
